

Số: /KH-SNN

Hà Nam, ngày tháng 03 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện mua tinh bò sữa, ni tơ lỏng, thẻ tai, phòng dịch và đào tạo, tập huấn phục vụ phát triển đàn bò sữa năm 2020

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển chăn nuôi bò sữa năm 2020.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt Kế hoạch mua tinh bò sữa, ni tơ lỏng, thẻ tai, phòng, chống dịch và đào tạo, tập huấn phục vụ phát triển đàn bò sữa năm 2020, với nội dung như sau:

1. Mục tiêu: Hỗ trợ tinh bò sữa, ni tơ lỏng và vật tư thụ tinh nhân tạo cho người chăn nuôi thông qua đội ngũ kỹ thuật viên cơ sở để chủ động nhân giống phát triển tăng đàn bò sữa tại chỗ; tổ chức lớp tập huấn cho nông dân và đào tạo nâng cao cho kỹ thuật viên cơ sở ở các địa phương có chăn nuôi bò sữa để phục vụ việc phòng, chống dịch bệnh, phối giống cho đàn bò sữa; đeo thẻ tai để quản lý đàn bò trong tỉnh.

2. Yêu cầu

- Hỗ trợ trực tiếp cho người chăn nuôi bò sữa, các địa phương và kỹ thuật viên để thực hiện công tác quản lý, theo dõi, giám sát dịch bệnh và nhân giống phát triển đàn bò sữa;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, UBND các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm và các địa phương phát triển bò sữa tổ chức thực hiện đúng nội dung kế hoạch, đúng tiến độ.

3. Nội dung kế hoạch:

3.1 Hỗ trợ nhân giống bò sữa:

Hỗ trợ 100% tinh bò, ni tơ lỏng và các vật tư kèm theo cho các hộ chăn nuôi để thụ tinh nhân tạo cho bò sữa thông qua dẫn tinh viên cơ sở, cụ thể:

- Số bò, bê được phối giống có chửa năm 2020 là: 3.400 con;

- Số lượng tinh bò sữa: 10.200 liều (*định mức: 3,0 liều tinh/bò có chửa*).

+ Chất lượng: Theo tiêu chuẩn ngành.

- Nitơ lỏng bảo quản tinh bò và vật tư thụ tinh nhân tạo kèm theo:

+ Số lượng Nitơ lỏng là: 12.240 lít. (*định mức 1,2 lít Nitơ/01 liều tinh*)

+ Găng tay phối giống: 10.200 chiếc; dẫn tinh quản (ống gen): 10.200 chiếc.

- Thời gian thực hiện: Từ 01/1 đến 31/12/2020.

3.2 Hỗ trợ đeo thẻ tai cho đàn bò:

- Hỗ trợ 2.000 thẻ tai, công đeo để thực hiện đeo thẻ tai bổ sung cho những con bò sữa được mua mới ngoài tỉnh, bò sữa bị mất thẻ tai và đàn bê được sinh ra trong năm 2020;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 6 đến tháng 12/2020.

3.3 Tổ chức tập huấn nâng cao cho nông dân và kỹ thuật viên cơ sở:

Tập huấn cho nông dân tại các cụm xã có chăn nuôi bò sữa:

- Số lượng: 04 lớp x 03 ngày/01 lớp x 50 người/01 lớp.
- Thời gian: Từ tháng 5 đến tháng 11/2020.
- Địa điểm: Huyện Duy tiên 02 lớp, Lý Nhân 01 lớp, Kim Bảng 01 lớp;
- Đối tượng: Các hộ chăn nuôi bò sữa.

Tập huấn nâng cao cho kỹ thuật viên cơ sở cấp tỉnh:

- Số lượng: 02 lớp x 03 ngày/01 lớp x 25 người/lớp.
- Thời gian: Tháng 6 và tháng 11/2020.
- Địa điểm: Tại tỉnh Hà Nam
- Đối tượng: Các kỹ thuật viên cơ sở đang thực hiện phối giống và điều trị bệnh cho bò sữa tại địa phương.

3.4 Tổ chức giám sát, kiểm tra phòng, chống dịch bệnh trên đàn bò sữa; tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

4. Kinh phí thực hiện: 1.246.430.000 đồng.

4.1	Hỗ trợ tinh bò sữa cao sản:	357.000.000 đồng;
4.2	Mua Ni tơ lỏng:	342.720.000 đồng;
4.3	Mua dẫn tinh quản và găng tay TTNT:	89.760.000 đồng;
4.4	Chi phí vận chuyển tinh bò và vật tư:	15.000.000 đồng;
4.5	Theo dõi kiểm tra, bảo quản, phân phối tinh bò:	102.000.000 đồng;
4.6	Mua thẻ tai, công đeo và sổ theo dõi lý lịch bò:	76.000.000 đồng;
4.7	Tập huấn cho nông dân:	70.600.000 đồng;
4.8	Tập huấn nâng cao cho kỹ thuật viên cơ sở:	126.850.000 đồng;
4.9	Phòng, chống, giám sát và KT dịch bệnh bò sữa:	50.000.000 đồng;
4.10	Hội nghị sơ kết:	16.500.000 đồng;

5. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

6. Đơn vị thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nam.

7. Đối tượng, địa điểm thực hiện:

- Hỗ trợ 10.200 liều tinh bò sữa cao sản, 12.240 lít ni tơ lỏng, vật tư kèm theo để thụ tinh nhân tạo cho các hộ chăn nuôi thông qua hệ thống dẫn tinh viên cơ sở để phối giống 3.400 con bò, bê sữa có chữa, cụ thể:

+ Huyện Duy Tiên: 2.398 con (*xã Mộc Bắc 1.700 con, Chuyên Ngoại 386 con, Trác Văn 260 con, Yên Nam 52 con*);

+ Huyện Lý Nhân: 445 con (*xã Nguyên Lý 160 con, Chính Lý 64 con, Xuân Khê 72 con, Nhân Đạo 28 con, Nhân Bình 108 con, Nhân Mỹ 5 con, Vĩnh Trụ 8 con*);

+ Huyện Kim Bảng: 392 con (*Ba Sao 156 con, Khả Phong 212 con, xã Tân Sơn và Liên Sơn 24 con*);

+ Huyện Thanh Liêm 05 con (*xã Liêm Túc*);

+ Các doanh nghiệp 160 con.

- Tập huấn nâng cao cho nông dân và các kỹ thuật viên cơ sở; đeo thẻ tai bổ sung cho tất cả số bò mua mới, bê sinh ra và những con đã bị mất số tai để quản lý theo dõi lý lịch đàn bò sữa tại 04 huyện Duy Tiên, Lý Nhân, Kim Bảng và Thanh Liêm;

8. Nguồn vốn: Sự nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp 2020.

9. Kế hoạch lựa chọn, chỉ định nhà thầu:

9.1. Phần công việc không phải lựa chọn nhà thầu có giá trị 400.950.000 đồng gồm công việc: Tập huấn, hội nghị sơ kết, vận chuyển tinh bò, theo dõi kiểm tra, bảo quản phân phối tinh bò, công đo đo thể tai, giám sát dịch bệnh cho bò sữa...

9.2 Phần công việc lựa chọn nhà thầu có giá trị 845.480.000 đồng, cụ thể:

Tên gói thầu	Giá trị (Đồng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Hình thức hợp đồng	Nguồn vốn
Gói thầu: Mua tinh bò sữa cao sản, ni tơ lỏng, vật tư TTNT và thể tai bò sữa	845.480.000	Chào hàng cạnh tranh trong nước	01 túi hồ sơ	Quý 2/2020	20 ngày	Trọn gói	Sự nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp 2020

10. Tổ chức thực hiện:

Giao cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y lựa chọn nhà cung cấp tinh bò, ni tơ và vật tư thụ tinh nhân tạo đảm bảo chất lượng theo quy định của ngành, đúng số lượng và theo tiến độ thực hiện; tổ chức tập huấn nâng cao cho cán bộ kỹ thuật cơ sở, hộ chăn nuôi; Phối hợp với các huyện thực hiện tốt các nội dung kế hoạch;

Các hộ chăn nuôi bò sữa: Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý chăn nuôi bò sữa của tỉnh, thực hành tốt việc chăn nuôi bò sữa tại trại và hỗ trợ tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật cơ sở tiêm phòng, phối giống và đo thể tai bổ sung cho đàn bò sữa đạt kết quả cao.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thực hiện một số nội dung quan trọng, cần thiết trong năm 2020 tại Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa giai đoạn 2016 - 2020. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt kế hoạch thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN&TY

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Mạnh Hùng

KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BÒ SỮA NĂM 2020

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
1	Kinh phí hỗ trợ phối giống bò sữa (3.400 con)	906,480,000
	Tinh bò sữa cao sản HF (3,0 liều/con x 3.400 con): 10.200 liều x 35.000đ	357,000,000
	Ni tơ lỏng (1.2 lít/liều x 10.200 liều): 12.240 lít x 28.000đ/liều	342,720,000
	Găng tay TTNT (1cái/1 liều tinh): 10.200 cái x 4.400đ	44,880,000
	Dẫn tinh quản (ống gen)(1cái/1 liều tinh): 10.200 cái x 4.400đ	44,880,000
	Vận chuyển tinh bò: 30 chuyến x 500.000đ	15,000,000
	Kinh phí bảo quản, phân phối tinh bò: 10.200 liều x 10.000đ	102,000,000
2	Kinh phí đeo thẻ tai cho bò, bê sữa: (2.000 con)	76,000,000
	Thẻ tai: 2.000 chiếc x 28.000đ	56,000,000
	Công giữ bò để gắn thẻ tai: 2.000 con x 10.000đ	20,000,000
3	Tập huấn cho nông dân tại các cụm xã: 50 người/lớp x 3 ngày x 4 lớp	70,600,000
	Tiền nước uống: 50 người/lớp x 3 ngày/lớp x 4 lớp x 15.000đ/người	9,000,000
	Tiền ăn cho người dân: 50 người/lớp x 3 ngày/lớp x 4 lớp x 20.000đ	12,000,000
	Tiền tài liệu, bút: 50 người/lớp x 4 lớp x 20.000đ	4,000,000
	Hội trường, khánh tiết: 4 lớp x 3 ngày x 300.000đ/lớp	3,600,000
	Thuê giảng viên: 12 ngày x 200.000đ/ngày	2,400,000
	Thuê bò thực tập: 6con/lớp x 4 lớp x 1.600.000đ	38,400,000
	Phục vụ: 12 ngày x 100.000đ	1,200,000
4	Tập huấn nâng cao cho kỹ thuật viên cơ sở (02 lớp/năm x 25 người/lớp)	126,850,000
	Tiền nước uống cho đại biểu: (25 ng x 3 ngày x 15.000 đ x 2 lớp)	2,250,000
	Tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương: (25 ng x 3 ngày x 70.000 đ x 2 lớp)	10,500,000
	Tiền vở, bút cho đại biểu: (25 ng x 20.000 đ x 2 lớp)	1,000,000
	Tiền thuê hội trường, khánh tiết: (2lớp x 1.000.000 đ)	2,000,000
	Tiền thuê giảng viên chính: (2 lớp x 3 ngày x 600.000 đ)	3,600,000
	Giảng viên hỗ trợ thực hành (2 lớp x 3 ngày x 300.000 đ)	1,800,000
	Thuê xe đưa đón giảng viên: (2lớp x 2 lượt x 1.500.000 đ)	6,000,000
	Khung xương chậu, tứ cung, buồng trứng bò: (10 bộ/1 lớp x 1.000.000 x 2 lớp)	20,000,000
	Thuê bò thực hành: (07 con x 2 ngày x 1.600.000 đ/ngày x 2 lớp)	44,800,000
	Thuê khung giống giá cố định bò: (7 bộ x 2lớp x 2 ngày = 500.000 đ)	14,000,000
	Công phục vụ: (2 lớp x 3 ngày x 100.000 đ)	600,000
	Tiền nghỉ cho học viên (25 ng x 3 ngày x 70.000 đ x 2 lớp)	10,500,000
	Tiền ăn, nghỉ cho giảng viên (2 lớp x 3 ngày x 300.000 đ)	1,800,000
	Thuê xe cho học viên thực tập, chi khác:	8,000,000
5	Phòng, chống, giám sát và kiểm tra dịch bệnh bò sữa	50,000,000
6	Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	16,500,000

	Nước uống hội nghị: 150 đại biểu x 20.000đ/người	3,000,000
	Thuê hội trường, khánh tiết	2,000,000
	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương: 100 hộ dân x 100.000đ/người	10,000,000
	In tài liệu: 150 bộ x 10.000đ/bộ	1,500,000
	Tổng	1,246,430,000